

Bản án số: 01/2025/DS-ST

Ngày: 16/7/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hải và bà Phan Thị Hồng Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025; về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXX-ST ngày 02 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại cổ phần S**; Địa chỉ: A đường N, Quận T, TP. Hồ Chí Minh (Nay: A đường N, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh); Đại diện theo ủy quyền: **Chị Vũ Thị Thạch T** – sinh năm 1999; Địa chỉ: B đường N, phường S, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (Nay: B đường N, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Bị đơn:* **Chị Bùi Thị Bích P** – sinh năm 1987; Địa chỉ: thôn Phú Tân 2, xã An Cư, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên (Nay: thôn T2, xã L, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, chị Vũ Thị Thạch T trình bày:

Ngày 26/11/2019, chị Bùi Thị Bích P ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của chị P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng), mục đích là tiêu dùng cá nhân. Cụ thể: Loại thẻ VS payWave Cre Platinum, số thẻ 436438 – 6055, hạn mức 26.000.000đ, lãi suất áp dụng 2,4%. Sau khi được cấp thẻ, chị Phương đã sử dụng giao dịch với tổng số tiền 58.041.906đ (Năm mươi chín triệu

không trăm bốn mươi một nghìn chín trăm lẻ sáu đồng), gồm: phí trễ hạn 1.754.143đ, phí vượt hạn mức 567.139đ, phí 3.007.000đ, lãi trong hạn 18.874.416đ.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay, chị P có trả dần cho Ngân hàng số tiền 55.284.000đ (Năm mươi lăm triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn đồng) trong đó, kỳ thông báo giao dịch ngày 05/4/2025, chị P đã thanh toán cho Ngân hàng 2.000.000đ số tiền đã trừ vào gốc 29.960.604đ còn nợ gốc 27.960.604đ khi chuyển nợ quá hạn số tiền thanh toán sẽ trừ vào nợ gốc. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng chị P vẫn không thiện chí trả nợ, chị P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Tính đến ngày 16/7/2025 chị Phương còn nợ Ngân hàng số tiền 65.265.089đ (Sáu mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm tám mươi chín đồng). Trong đó: Nợ gốc: 27.960.604đ (Hai mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi nghìn sáu trăm lẻ bốn đồng); Lãi quá hạn: 37.304.485đ (Ba mươi bảy triệu ba trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng).

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Bùi Thị Bích P phải trả cho Ngân hàng S số tiền nói trên. Ngoài ra, yêu cầu chị P phải trả số tiền lãi phát sinh từ sau ngày 16/7/2025 theo Hợp đồng đã ký kết cho đến khi chị P trả dứt nợ vay.

Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện A (Nay: Tòa án nhân dân khu vực F – Đắc Lắc) đã tiến hành hòa giải, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là chị Bùi Thị Bích P nhưng chị P không đến Tòa án, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự và vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực F – Đắc Lắc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng cơ bản tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 4 Luật thương mại 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S ngày 26/11/2019 đối với số thẻ 436438 – 6055 đến ngày 16/7/2025 là 65.265.089đ (Sáu mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm tám mươi chín đồng). Trong đó: Nợ gốc: 27.960.604đ (Hai mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi nghìn sáu trăm lẻ bốn đồng); Lãi quá hạn: 37.304.485đ (Ba mươi bảy triệu ba trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu chị Bùi Thị Bích P trả tiền vay tài sản theo hợp đồng

tín dụng. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện A, tỉnh Phú Yên (Nay là xã L, tỉnh Đắk Lắk). Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Phú Yên (nay là Tòa án nhân dân khu vực F – Đắk Lắk) thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt nên theo quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay theo Hợp đồng tín dụng, đây là hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank) và chị Bùi Thị Bích Phương có Hợp đồng tín dụng thể hiện bằng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S ngày 26/11/2019 đối với số thẻ 436438 – 6055. Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 16/7/2025, chị P còn nợ Ngân hàng số tiền 65.265.089đ (Sáu mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm tám mươi chín đồng). Trong đó: Nợ gốc: 27.960.604đ (Hai mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi nghìn sáu trăm lẻ bốn đồng); Lãi quá hạn: 37.304.485đ (Ba mươi bảy triệu ba trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng). Chị P có nợ tiền hợp đồng tín dụng của Ngân hàng nhưng không trả nợ cho Ngân hàng là xâm phạm đến quyền lợi của Ngân hàng. Vì vậy, ngân hàng khởi kiện là có căn cứ cần chấp nhận.

Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ chị Bùi Thị Bích P nhưng chị P vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của chị Phương nên không có cơ sở xem xét.

- Từ các chứng cứ trên, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 65.265.089đ (Sáu mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm tám mươi chín đồng). Trong đó: Nợ gốc: 27.960.604đ (Hai mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi nghìn sáu trăm lẻ bốn đồng); Lãi quá hạn: 37.304.485đ (Ba mươi bảy triệu ba trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng).

[4] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn chị Bùi Thị Bích P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: $65.265.089đ \times 5\% = 3.263.254đ$ (Ba triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm năm mươi bốn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 4 Luật thương mại 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bị đơn chị Bùi Thị Bích P. Buộc chị Bùi Thị Bích P có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền **65.265.089đ (Sáu mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm tám mươi chín đồng)**. Trong đó: Nợ gốc: 27.960.604đ (Hai mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi nghìn sáu trăm lẻ bốn đồng); Lãi quá hạn: 37.304.485đ (Ba mươi bảy triệu ba trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà chị Phương phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí: chị Bùi Thị Bích P phải chịu **3.263.254đ (Ba triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm năm mươi bốn đồng)** án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ S 1.176.856đ (*Một triệu hai trăm tám mươi chín nghìn tám trăm hai mươi chín đồng*) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền ký hiệu BLTU/24P số 0044184 ngày 16/10/2024 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực;
- Cục thi hành án dân sự tp. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Xuân Hương